

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1368/QĐ-DHKT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

Ngành	:	Thương mại điện tử (E-commerce)
Mã ngành	:	734 01 22
Chuyên ngành	:	Thương mại điện tử (734 01 22 01)
Trình độ	:	Đại học
Văn bằng	:	Cử nhân
Số tín chỉ	:	134 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

### I. Mục tiêu

Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng hướng đến việc đào tạo các chuyên viên kinh doanh và nhà quản trị am hiểu sâu công nghệ thương mại điện tử (TMĐT) nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cấp thiết của các doanh nghiệp và tổ chức chính trị - xã hội trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh tích hợp công nghệ thông tin và điện tử hoá đang và sẽ diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam và trên thế giới. Mục tiêu của CTĐT này là phát triển các năng lực cần thiết cho người học trong việc ứng dụng công nghệ số và Internet vào thiết kế, quản trị và cải tiến các hoạt động kinh doanh và thương mại trong các tổ chức ở Việt Nam và quốc tế.

Cử nhân TMĐT có khả năng theo đuổi các nghề nghiệp từ chuyên viên đến quản trị viên và lãnh đạo trong các doanh nghiệp TMĐT, các doanh nghiệp tích hợp TMĐT, các tổ chức kinh tế - xã hội có ứng dụng TMĐT trong hoạt động của mình. Với kiến thức và kỹ năng được trang bị, cử nhân TMĐT có năng lực làm việc vượt trội trong các vị trí công việc liên quan đến tương tác khách hàng trực tuyến, khai phá dữ liệu khách hàng, thiết kế và triển khai các giải pháp TMĐT cũng như quản trị tác nghiệp thương mại điện tử.

Chương trình đào tạo này chú trọng vào phát triển năng lực tư duy hệ thống và cải tiến, khả năng ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào thực tiễn kinh doanh cũng như rèn luyện các kỹ năng cá nhân và xã hội, đảm bảo cho người học theo đuổi thành công các mục tiêu nghề nghiệp cũng như phát triển bản thân



trong môi trường kinh doanh hiện đại và hội nhập, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của cách mạng công nghiệp 4.0.

## 2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành thương mại điện tử có khả năng:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>PLO 1</b>	Nắm vững những kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp.
<b>PLO 2</b>	Áp dụng các kỹ thuật và công cụ TMDT vào việc tổ chức, thực hiện và quản lý toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng Internet.
<b>PLO 3</b>	Có khả năng thẩm định dự án thương mại điện tử của doanh nghiệp.
<b>PLO 4</b>	Thiết kế giải pháp tác nghiệp TMDT tại doanh nghiệp và tổ chức chính trị - xã hội.
<b>PLO 5</b>	Xây dựng kế hoạch phát triển các hoạt động kinh doanh trên nền tảng Internet.
<b>PLO 6</b>	Giao tiếp, tương tác và phối hợp hiệu quả với các thành viên khác trong công việc.
<b>PLO 7</b>	Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp kinh doanh.
<b>PLO 8</b>	Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề kinh doanh.
<b>PLO 9</b>	Có đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

### 2.2. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

#### 2.2.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
- <b>KT1:</b> Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	- <b>KN1:</b> Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - <b>KN2:</b> Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	- <b>TCTN1:</b> Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu

<p>- <b>KT2:</b> Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>- <b>KT3:</b> Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>- <b>KT4:</b> Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>- <b>KT5:</b> Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>- <b>KN3:</b> Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>- <b>KN4:</b> Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- <b>KN5:</b> Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>- <b>KN6:</b> Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>- <b>TCTN2:</b> Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>- <b>TCTN3:</b> Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>- <b>TCTN4:</b> Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động</p>
--	--	--

**2.2.2. Đối sánh CĐR của chương trình đào tạo với CĐR theo khung trình độ quốc gia bậc đại học**

	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4	
<b>PLO1</b>		X														
<b>PLO2</b>	X		X													
<b>PLO3</b>				X												
<b>PLO4</b>		X			X											
<b>PLO5</b>					X											
<b>PLO6</b>									X	X		X	X	X		
<b>PLO7</b>										X	X					
<b>PLO8</b>						X	X	X		X						X
<b>PLO9</b>												X				

**3. Cơ hội nghề nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp thích hợp trong tiếp cận các vị trí công việc trong các tổ chức (doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà Nước, các tổ chức quốc tế) sau:



- Các doanh nghiệp có các hoạt động liên quan đến thương mại điện tử chẳng hạn như quảng lý các kênh thương mại điện tử, bán hàng, điều phối giao nhận, quản lý đơn hàng và hậu cần,...;
- Các doanh nghiệp có các hoạt động phân tích kinh doanh và nghiên cứu thị trường, đặc biệt là thị trường trực tuyến, kinh doanh trực tuyến và mạng xã hội;
- Các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước về thương mại và TMĐT như các cơ quan xúc tiến TMĐT, hiệp hội thương mại điện tử,...;
- Các tổ chức tư vấn và cung cấp giải pháp TMĐT như các công ty dịch vụ công nghệ, công ty tư vấn kinh doanh TMĐT;
- Các cơ quan nghiên cứu và quản lý Nhà nước về lĩnh vực thương mại điện tử;
- Các tổ chức quốc tế về nghiên cứu và phát triển thương mại điện tử.

#### **4. Chuẩn đầu vào**

- Người học phải:
- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;
- Đáp ứng các tiêu chí khác theo Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế.

#### **5. Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành.**

#### **6. Điều kiện tốt nghiệp**

- Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo (bao gồm chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, chứng chỉ tin học, hoàn thành học phần giáo dục thể chất);
- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện tốt nghiệp có thể được cập nhật theo Quy chế đào tạo hiện hành.



PLO6	X	X				X		X			X	X	X	X	X		
PLO7	X	X				X	X	X			X	X	X		X		
PLO8	X	X				X					X	X	X		X		
PLO9	X	X				X			X		X	X	X		X		

## 8. Phương pháp đánh giá

### 8.1. Các phương pháp đánh giá

TT	Mã PP	Tên PP
1	AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)
2	AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)
3	AM3	Thuyết trình (Oral Presentation)
4	AM4	Đánh giá hoạt động (Performance Test)
5	AM5	Nhật kí thực tập (Journal And Blogs)
6	AM6	Thi viết tự luận (Essay)
7	AM7	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)
8	AM8	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)
9	AM9	Viết báo cáo (Written Report)
10	AM10	Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)
11	AM11	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)
12	AM12	Báo cáo luận văn/đề án (Graduation Thesis/ Report)

\*Nội dung các phương pháp đánh giá được đính kèm theo Phụ lục 2 của chương trình đào tạo này.

### 8.2. Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá với CDR của chương trình đào tạo

	AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10	AM11	AM12
PLO1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
PLO2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
PLO3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
PLO7	X	X	X			X	X	X				
PLO8	X	X	X	X	X							
PLO9	X		X		X	X	X	X				



## 9. Khung chương trình đào tạo

### 9.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức đại cương	43	43	-
2	Khối kiến thức khối ngành	18	18	-
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	73	64	9
3.1	<i>Khối kiến thức chung của ngành</i>	27	27	-
3.2	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>	36	27	9
3.3	<i>Thực tập cuối khóa</i>	10	10	-
<b>Tổng</b>		<b>134</b>	<b>125</b>	<b>9</b>

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, là tiền đề cơ bản hỗ trợ cho các học phần khối ngành, ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo, đồng thời cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học.

Khối kiến thức khối ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành Kinh tế và kinh doanh, là tiền đề cho các học phần của ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo về sau.

Khối kiến thức ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng nền tảng liên quan đến ngành thương mại điện tử bao gồm kiến thức liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp như mô hình thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hậu cần điện tử, marketing điện tử,... hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực xây dựng ý tưởng kinh doanh online, mô hình kinh doanh và kế hoạch kinh doanh.

Khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên xây dựng những năng lực cần thiết trong hoạt động kinh doanh trên môi trường trực tuyến, bao gồm năng lực xây dựng giải pháp thương mại điện tử, xây dựng kế hoạch phát triển các hoạt động kinh doanh trực tuyến cho doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp liên quan đến thương mại điện tử.

## 9.2. Các học phần

T T	Mã học phần	Học phần	Phân bổ thời gian			Tỉa chỉ
			Lý thuyết	Thực hành	Tổng	
<b>A. Khối kiến thức đại cương</b>						<b>43</b>
1	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	34	11	45	3
2	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	25	5	30	2
3	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	24	6	30	2
4	SMT1008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	24	6	30	2
5	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24	6	30	2
6	LAW1001	Pháp luật đại cương	21	9	30	2
7	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	30	15	45	3
8	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	45	0	45	3
9	MGT1001	Kinh tế vi mô	36	9	45	3
10	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	35	10	45	3
11	MGT1002	Quản trị học	30	15	45	3
12	ENGELE1	English Elementary 1	0	45	45	3
13	ENGELE2	English Elementary 2	0	60	60	4
14	ENG2015	English Communication 1	19	26	45	3
15	ENG2016	English Communication 2	19	26	45	3
16	ENG2017	English Composition B1	21	9	30	2
17		Giáo dục thể chất				4
18		Giáo dục Quốc phòng				4 tuần
<b>B. Khối kiến thức khối ngành</b>						<b>18</b>
19	ACC1002	Nhập môn kế toán	30	15	45	3
20	MKT2001	Marketing căn bản	34	11	45	3
21	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	30	15	45	3
22	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	33	12	45	3
23	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	30	15	45	3
24	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	27	18	45	3
<b>C. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành</b>						<b>63</b>
<b>C1. Học phần chung ngành</b>						<b>27</b>



25	COM3001	Thương mại điện tử	23	22	45	3
26	LAW3041	Pháp luật về TMĐT	30	15	45	3
27	COM3008	Marketing điện tử	30	15	45	3
28	ELC3016	Kinh doanh điện tử	30	15	45	3
29	MIS3001	Cơ sở lập trình	30	15	45	3
30	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	22	23	45	3
31	FIN3006	Quản trị tài chính	28	17	45	3
32	ELC3020	Nhập môn khoa học dữ liệu trong kinh doanh	25	20	45	3
33	ELC3013	Phân tích và thiết kế quy trình kinh doanh	22	23	45	3
<b>C2. Học phần chuyên ngành</b>						<b>36</b>
<b>Học phần bắt buộc:</b>						<b>27</b>
34	ELC3017	Chiến lược thương mại điện tử	15	30	45	3
35	ELC3019	Thanh toán điện tử	30	15	45	3
36	ELC3012	Quản trị dự án thương mại điện tử	22	23	45	3
37	MIS3010	Lập trình web	20	25	45	3
38	MKT3013	Thiết kế truyền thông đa phương tiện	23	22	45	3
39	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	33	12	45	3
40	ELC3001	Logistics điện tử	30	15	45	3
41	ELC3018	Phân tích và thiết kế Web	22	23	45	3
42	ELC3021	Dự án lớn (Capstone Project)	0	45	45	3
<b>Học phần tự chọn (chọn ít nhất 9 tín chỉ)</b>						<b>9</b>
43	COM3010	Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng	17	28	45	3
44	MKT3003	Hành vi người tiêu dùng	30	15	45	3
45	COM3006	Bán lẻ điện tử	20	25	45	3
46	ELC3002	Quản trị nội dung số	20	25	45	3
47	ELC3014	Thực hành quảng cáo điện tử	15	30	45	3
48	MGT3020	Chuyển đổi số	21	24	45	3
49	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	26	19	45	3
50	MIS3041	Phân tích dữ liệu bằng Python	18	27	45	3
51	ELC3008	Trí tuệ nhân tạo trong kinh	30	15	45	3



		doanh				
52	ELC3015	Thực hành khai phá dữ liệu web	15	30	45	3
53	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	17	13	30	2
<b>D. Thực tập cuối khoa đối với chương trình đào tạo đặc thù (chỉ chọn hình thức 2 hoặc hình thức 3)</b>						
		<b>Hình thức 1</b>				<b>10</b>
54	ELC4003	Báo cáo thực tập tốt nghiệp				4
55		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn chuyên ngành				6
		<b>Hình thức 2</b>				<b>10</b>
56	ELC4004	Khóa luận tốt nghiệp				
		<b>Hình thức 3</b>				<b>10</b>
57	ELC4099	Đề án tốt nghiệp				
<b>Tổng số tín chỉ chương trình</b>						<b>134</b>

### 9.3. Đề cương chi tiết các học phần

*Phụ lục 3*

### 10. Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
1	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X					X			X
2	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X					X			X
3	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X					X			X
4	SMT1008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X					X			
5	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X					X			X
6	LAW1001	Pháp luật đại cương	X					X			
7	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh						X			
8	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X								
9	MGT1001	Kinh tế vi mô	X								
10	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X								
11	MGT1002	Quản trị học	X					X			
12	ENGELE1	English Elementary 1									X
13	ENGELE2	English Elementary 1									X











## 11. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

*Phụ lục 4*

## 12. Lộ trình đào tạo

*Phụ lục 5*

## 13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử (chuyên ngành Thương mại điện tử) được áp dụng từ năm 2022. Quá trình giảng dạy được thiết kế dựa trên cấu trúc của chương trình, ý kiến đóng góp từ các giảng viên trong Khoa và các yêu cầu cụ thể cho từng học phần. Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn sinh viên chọn theo các khối hoàn thiện kiến thức nhằm hỗ trợ cho sinh viên phát triển kiến thức chuyên sâu nhằm thích ứng với các điều kiện thực tế và các yêu cầu xã hội.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn quá trình xây dựng và phát triển các đề cương chi tiết học phần để phù hợp với mục tiêu, nội dung, tiêu chuẩn nhập học và nhu cầu của sinh viên và xã hội.

Cấu trúc chương trình luôn được xem xét và cập nhật hàng năm để phù hợp với những thay đổi. Cứ sau 2 năm, bản mô tả chương trình đào tạo được xem xét và có thể có những thay đổi cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

***Chương trình đào tạo theo hướng đặc thù được thực hiện như sau:***

❖ ***Các hình thức tổ chức lớp học:*** Các học phần có thể được tổ chức một trong ba hình thức sau:

- **Hình thức [1]:** Toàn bộ thời gian sinh viên học tại trường;
- **Hình thức [2]:** Sinh viên học tại trường + thực hành với sự tham gia của doanh nghiệp;
- **Hình thức [3]:** Toàn bộ thời gian sinh viên sẽ học tại doanh nghiệp.

Cấu trúc của chương trình đào tạo đặc thù (ĐTĐT) có yếu tố doanh nghiệp như bảng sau:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chi	Hình thức tổ chức	Số tín chi đảm nhận đào tạo		Ghi chú
					Trường ĐHKT	Doanh nghiệp	
<b>A. Khối kiến thức đại cương</b>			<b>43</b>		<b>43</b>	<b>0</b>	
1	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	3	[1]	3	0	
2	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	[1]	2	0	
3	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	[1]	2	0	
4	SMT1008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	[1]	2	0	
5	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	[1]	2	0	
6	LAW1001	Pháp luật đại cương	2	[1]	2	0	
7	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3	[1]	3	0	
8	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	[1]	3	0	
9	MGT1001	Kinh tế vi mô	3	[1]	3	0	
10	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3	[1]	3	0	
11	MGT1002	Quản trị học	3	[1]	3	0	
12	ENGELE1	English Elementary 1	3	[1]	3	0	
13	ENGELE2	English Elementary 2	4	[1]	4	0	
14	ENG2015	English Communication 1	3	[1]	3	0	
15	ENG2016	English Communication 2	3	[1]	3	0	
16	ENG2017	English Composition B1	2	[1]	2	0	
<b>B. Khối kiến thức khối ngành</b>			<b>18</b>		<b>18</b>	<b>0</b>	
17	ACC1002	Nhập môn kế toán	3	[1]	3	0	
18	MKT2001	Marketing căn bản	3	[1]	3	0	
19	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3	[1]	3	0	
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	[1]	3	0	
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3	[1]	3	0	
22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3	[1]	3	0	
<b>C. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành</b>			<b>63</b>		<b>55</b>	<b>8</b>	
<b>C1. Học phần chung ngành</b>			<b>27</b>		<b>25</b>	<b>2</b>	
23	COM3001	Thương mại điện tử	3	[2]	2	1	ĐTĐT
24	LAW3041	Pháp luật về TMĐT	3	[2]	2	1	ĐTĐT
25	COM3008	Marketing điện tử	3	[2]	2	1	ĐTĐT
26	ELC3016	Kinh doanh điện tử	3	[2]	2	1	ĐTĐT
27	MIS3001	Cơ sở lập trình	3	[1]	3	0	
28	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	3	[1]	3	0	
29	FIN3006	Quản trị tài chính	3	[1]	3	0	

30	ELC3020	Nhập môn khoa học dữ liệu trong kinh doanh	3	[1]	3	0	
31	ELC3013	Phân tích và thiết kế qui trình kinh doanh	3	[1]	3	0	
<b>C2. Học phần chuyên ngành</b>			36		30	6	
<b>Học phần bắt buộc</b>			27		21	6	
32	ELC3017	Chiến lược thương mại điện tử	3	[1]	3	0	
33	ELC3019	Thanh toán điện tử	3	[1]	3	0	
34	ELC3012	Quản trị dự án thương mại điện tử	3	[1]	3	0	
35	MIS3010	Lập trình web	3	[1]	3	0	
36	MKT3013	Thiết kế truyền thông đa phương tiện	3	[1]	3	0	
37	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3	[2]	2	1	ĐTĐT
38	ELC3001	Logistics điện tử	3	[1]	3	0	
39	ELC3018	Phân tích và thiết kế Web	3	[1]	3	0	
40	ELC3021	Dự án lớn (Capstone Project)	3	[3]	0	3	ĐTĐT
<b>Học phần tự chọn (Chọn ít nhất 9 tín chỉ)</b>			9		9	0	
41	COM3010	Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng	3	[1]	3	0	
42	MKT3003	Hành vi người tiêu dùng	3	[1]	3	0	
43	COM3006	Bán lẻ điện tử	3	[1]	3	0	
44	ELC3002	Quản trị nội dung số	3	[1]	3	0	
45	ELC3014	Thực hành quảng cáo điện tử	3	[1]	3	0	
46	MGT3020	Chuyển đổi số	3	[1]	3	0	
47	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	3	[1]	3	0	
48	MIS3041	Phân tích dữ liệu bằng Python	3	[1]	3	0	
49	ELC3008	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3	[1]	3	0	
50	ELC3015	Thực hành khai phá dữ liệu web	3	[1]	3	0	
51	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	[1]	2	0	
<b>D. Thực tập tốt nghiệp đối với chương trình đào tạo đặc thù (chỉ chọn hình thức 2 hoặc hình thức 3)</b>			10		0	10	
<i>Hình thức 1</i>							
52	ELC4003	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4	[3]	0	4	



		Học bổ sung ít nhất 6 TC từ các học phần tự chọn chuyên ngành				
		<b>Hình thức 2</b>				
53	ELC4004	Khóa luận tốt nghiệp*	10	[3]	0	10
		<b>Hình thức 3</b>				
54	ELC4099	Đề án tốt nghiệp	10	[3]	0	10
<b>Tổng số tín chỉ chương trình</b>			<b>134</b>		<b>116</b>	<b>18</b>

\* Sinh viên phải học học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trước khi đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp.

❖ **Thông kê các học phần có yếu tố doanh nghiệp:**

a. **Các học phần loại [2]: (5 học phần)**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ đảm nhận đào tạo		Ghi chú
				Trường ĐHKT	Doanh nghiệp	
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	
1	COM3001	Thương mại điện tử	3	2	1	
2	LAW3041	Pháp luật về TMĐT	3	2	1	
3	COM3008	Marketing điện tử	3	2	1	
4	ELC3016	Kinh doanh điện tử	3	2	1	
5	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1	

b. **Các học phần loại [3]: (2 học phần)**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ đảm nhận đào tạo		Ghi chú
				Trường ĐHKT	Doanh nghiệp	
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>13</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	
1	ELC3021	Dự án lớn (Capstone Project)	3	0	3	
		<b>Thực tập tốt nghiệp đối với chương trình đào tạo đặc thù (chỉ chọn hình thức 2 hoặc hình thức 3)</b>				
		<b>Hình thức 1</b>				
2	ELC4003	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4	0	4	
		Học bổ sung ít nhất 6 TC từ các học phần tự chọn chuyên ngành				
		<b>Hình thức 2</b>				
3	ELC4004	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10	
		<b>Hình thức 3</b>				
4	ELC4099	Đề án tốt nghiệp	10	0	10	

- **Đối với học phần dự án lớn (capstone project):**

Học phần này sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp theo các dự án (nhóm hoặc cá nhân) có sự hỗ trợ, hướng dẫn của giảng viên phụ trách (instructors) và các hướng dẫn thực hành của chuyên gia doanh nghiệp (mentors).



==  
10  
(E  
VB  
C E

## PHỤ LỤC I: NỘI DUNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

### 1. Phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với Phương pháp giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến học viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Phương pháp giảng dạy trực tiếp được áp dụng bao gồm:

- *Giải thích cụ thể - Explicit Teaching (TLM1)*: với phương pháp này, giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp học viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Thuyết giảng - Lecture (TLM2)*: Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Người dạy sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và học viên có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.

- *Tham luận - Guest lecture (TLM3)*: Với phương pháp này, học viên được tham gia cùng với người trình bày, diễn giả không phải là giảng viên. Họ là các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương, hoặc các tổ chức quốc tế tổ chức xã hội, phi lợi nhuận liên quan đến công việc hoạch định phương pháp, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế, hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam, hoặc các nghiên cứu viên kinh nghiệm tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các cơ sở nghiên cứu. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

### 2. Phương pháp kỹ năng suy nghĩ

Phương pháp kỹ năng suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phân xạ trong phương pháp học tập của học viên. Những phương pháp này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập; bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể.

- *Giải quyết vấn đề - Problem Solving (TLM4)*: Trong quá trình học, học viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tính hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.

- *Tập kích não - Brainstorming (TLM5)*: Trong quá trình làm việc nhóm, học viên được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ;



được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của học viên và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các học phần nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.

- *Học theo tình huống - Case Study (TLM6)*: Đây là một phương pháp dạy lấy tâm điểm là học viên, giúp học viên tạo ra lối tư duy sâu để trao đổi với giảng viên, học viên khác. Với phương pháp này, giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu học viên xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.

### 3. Phương pháp dựa trên hoạt động

Phương pháp này khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cung cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

- *Đóng vai - Role play (TLM7)*: Phương pháp mà học viên giả định các vai diễn khác nhau trong một tình huống và tương tác (diễn) với người khác.

- *Trò chơi - Game (TLM8)*: Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên – học viên hoặc các thành viên trong lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của học viên. Trò chơi có thể được giảng viên đưa ra để mở đầu hoặc kết thúc bài học. Trò chơi cũng có thể được nhóm học viên đưa ra từ sự khuyến khích của giảng viên trong quá trình làm việc nhóm để mở đầu hoặc kết thúc bài thuyết trình của nhóm.

- *Đi thực tế - Field Trip (TLM9)*: Học viên được tham quan, khảo sát tại một số cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài để trải nghiệm môi trường làm việc thực tế của chuyên ngành kinh tế quốc tế, nâng cấp các cơ hội khám phá và học hỏi chuyên môn trong công việc, xây dựng các kỹ năng nơi làm việc, dần hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc về sau. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đặc tạo.

- *Tranh luận - Debates (TLM10)*: Đây là phương pháp mà giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và học viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết





phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, học viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.

#### 4. Phương pháp hợp tác

Phương pháp hợp tác giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chủ động, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Phương pháp này tập trung vào cách làm cho học viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

- *Thảo luận - Discussion (TLM11)*: Một Phương pháp mà học viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho học viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.

- *Học nhóm - Teamwork Learning (TLM12)*: Học viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. Trong chương trình học, học viên được cung cấp kiến thức cần bàn và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những học phần ở các cấp độ khác nhau.

- *Câu hỏi gợi mở - Inquiry (TLM13)*: Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn học viên/nhóm học viên trả lời từng bước một.

#### 5. Phương pháp học tập độc lập

- *Dự án nghiên cứu - Research Project (TLM14)*: Phương pháp này cho học viên khả năng lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của đội ngũ trong Khoa. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì học viên được quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày. Khoa và DUE có thu viện với lượng sách dồi dào và cập nhật là tài nguyên hỗ trợ hữu ích cho việc tự học của học viên.

- *Học trực tuyến (TLM15)*: Giảng viên và học viên dùng các công cụ trực tuyến hỗ trợ quá trình dạy và học.

- *Bài tập - Work Assignment (TLM16)*: Học viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, học viên sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Khác (TLM17)*: Các phương pháp khác.

## PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của học viên. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho học viên vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo:

- *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)*

Cùng với tu học, việc có mặt thường xuyên của học viên và những đóng góp từ học viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

- *Đánh giá bài tập - Work Assignment (AM2)*

Học viên được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

- *Thuyết trình - Oral Presentation (AM3)*

Học viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

- *Đánh giá hoạt động - Performance test (AM4)*

Học viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

- *Nhật ký thực tập - Journal and blogs (AM5)*

Học viên viết nhật ký thực tập trong suốt quá trình thực hành để phản ánh hiệu suất và kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là phương pháp chính để đánh giá học viên trong khóa thực tập.

- *Thi viết tự luận - Essay (AM6)*

Theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khóa học.

- *Kiểm tra trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là học viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- *Bảo vệ và thi vấn đáp - Oral Exam (AM8)*

Học viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của học viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có tiêu chuẩn đánh giá (rubrics) và được công bố.

- *Viết báo cáo - Written Report (AM9)*

Học viên được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

- *Thuyết trình cá nhân - Oral Presentation (AM10)*

Phương pháp đánh giá này rất giống với phương pháp thuyết trình song là đánh giá tổng kết (summative), được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khoá học).

- *Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)*

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học viên. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

- *Báo cáo luận văn/đề án- Graduation Thesis/ Report (AM12)*

Trong phương pháp này, học viên được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá được nhà trường ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Khoa. Học viên thuyết trình báo cáo luận văn/đề án của mình trước Hội đồng. Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và nêu ra các câu hỏi. Học viên trả lời trực tiếp câu hỏi tại buổi bảo vệ. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá năng lực tổng thể của học viên bao gồm kiến thức, kỹ năng và uãng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo Rubric được thể hiện trong đề cương chi tiết. Điểm đánh giá luận văn/đề án là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

W A C 7 / 1 1

12/

### PHỤ LỤC 3: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN





**PHỤ LỤC 4: ĐỐI SÁNH VỚI MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

TT	Mã học phần	Học phần	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
<b>A. Khối kiến thức đại cương</b>							
1	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	C	C	C	C	
2	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		C	C		
3	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học		C	C		
4	SMT1008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		C	C	X	
5	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	C	C	C	C	
6	LAW1001	Pháp luật đại cương	X	C	C	X	
7	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	X	X			
8	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X	X		X	
9	MGT1001	Kinh tế vi mô		C	C	C	
10	ECO1001	Kinh tế vĩ mô		C	C	C	
11	MGT1002	Quản trị học	X			C	
12	ENGELE1	English Elementary 1	C	C	X	X	
13	ENGELE2	English Elementary 2	C	C	X	X	
14	ENG2015	English Communication 1	X				
15	ENG2016	English Communication 2	X				
16	ENG2017	English Composition B1		C			
<b>B. Khối kiến thức khối ngành</b>							
17	ACC1002	Nhập môn kế toán	C	C	X	X	
18	MKT2001	Marketing căn bản	X	C		C	
19	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	X	C		C	X
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X		X		
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính				X	
22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	X	X	X		
<b>C. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành</b>							
<b>C1. Học phần chung ngành</b>							
23	COM3001	Thương mại điện tử	X	X	X	X	C

24	LAW3041	Pháp luật về TMDT	X		X	X	
25	COM3008	Marketing điện tử	X	X	C	X	X
26	ELC3016	Kinh doanh điện tử		X	C		
27	MIS3001	Cơ sở lập trình	X	X	C	X	
28	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	X		X	X	C
29	FIN3006	Quản trị tài chính			X		
30	ELC3011	Nhập môn khoa học dữ liệu trong kinh doanh	C				C
31	ELC3013	Phân tích và thiết kế quy trình kinh doanh	C				C
<b>C2. Học phần chuyên ngành</b>							
<b>Học phần bắt buộc:</b>							
32	ELC3017	Chiến lược thương mại điện tử	X		X		
33	ELC3019	Thanh toán điện tử	X	X		X	
33	ELC3012	Quản trị dự án thương mại điện tử		X		C	X
34	MIS3010	Lập trình web		X	C	X	
35	MKT3013	Thiết kế truyền thông đa phương tiện	X		C		
36	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng		X		C	X
37	ELC3001	Logistics điện tử	C	X	X	C	
38	ELC3018	Phân tích và thiết kế Web	X		C	X	X
39	ELC3021	Dự án lớn (Capstone Project)	C		C		C
<b>Học phần tự chọn (chọn ít nhất 9 tín chỉ)</b>							
40	COM3010	Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng			C		X
41	MKT3003	Hành vi người tiêu dùng		X		X	
42	COM3006	Bán lẻ điện tử	X		X		
43	ELC3002	Quản trị nội dung số	X			X	
44	ELC3014	Thực hành quảng cáo điện tử	C	C			C
45	MGT3020	Chuyển đổi số		C		C	
46	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	C				
47	MIS3041	Phân tích dữ liệu bằng Python		X			X
48	ELC3008	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh			X		
49	ELC3015	Thực hành khai phá dữ liệu web	X			X	
50	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	C		C		
<b>D. Thực tập cuối khóa</b>							
51		Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X

Chương trình I: Chương trình Thương mại điện tử - Trường Đại học kinh tế - Luật, Đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh

<https://is.uel.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/is/Tai%20lieu%20khoa/Ch%C6%B0%C6%A1ng%20tr%C3%ACnh%20%C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o/CuongTrinhDaoTao%20TMDT%20post%20Web-240415.pdf>

Chương trình 2: Chương trình Thương mại điện tử - Trường Đại học kinh tế - Tài chính, Tp Hồ Chí Minh

[https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/kentt/CTDT/CTDT\\_TMDT\\_2020.pdf](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/kentt/CTDT/CTDT_TMDT_2020.pdf)

Chương trình 3: Chương trình Thương mại điện tử - Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62>

Chương trình 4: Chương trình Thương mại điện tử - Trường Đại học công nghiệp, Tp Hồ Chí Minh

[http://www.iuh.edu.vn/tuvenSinh/img/huongNghiep\\_TMDL19.pdf](http://www.iuh.edu.vn/tuvenSinh/img/huongNghiep_TMDL19.pdf)

Chương trình 5: Chương trình Thương mại điện tử - City University of Hong Kong

[http://www.cityu.edu.hk/catalogue/ug/201213/Major/BBA\\_ECOM.htm](http://www.cityu.edu.hk/catalogue/ug/201213/Major/BBA_ECOM.htm)

*Handwritten mark*

MA  
O  
T



